

A. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

TT	Kĩ năng	Nội dung kiến thức/Đơn vị kĩ năng	Mức độ nhận thức			Tổng % điểm
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	
1	Đọc	Văn bản nghị luận	2 (20%)	3 (30%)	1 (10%)	60
2	Viết	Nghị luận xã hội (vấn đề liên quan đến tuổi trẻ - ước mơ, hoài bão)	1* (10%)	1* (10%)	1* (20%)	40
Tổng			30%	40%	30%	100
Tỉ lệ chung			70%		30%	

Lưu ý: Đối với học sinh khuyết tật chỉ yêu cầu học sinh ở mức độ nhận biết, thông hiểu.

B. BẢNG ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

TT	Kĩ năng	Đơn vị kiến thức/Kĩ năng	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			Tỉ lệ %
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	
1	Đọc hiểu	Văn nghị	Nhận biết: - Nhận biết được luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu, độc đáo trong văn bản	2 20%	3 30%	1 10%	60

		luận và chỉ ra được mối liên hệ của chúng. - Nhận biết được một số thao tác nghị luận (chẳng hạn chứng minh, giải thích, bình luận, so sánh, phân tích hoặc bác bỏ). - Chỉ ra được được các biện pháp tu từ, từ ngữ, câu khẳng định, phủ định trong văn bản. - Nhận biết được cách lập luận và ngôn ngữ biểu cảm trong văn bản nghị luận. Thông hiểu: - Phân tích được nội dung của luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu, độc đáo trong văn bản. - Đánh giá được mức độ phù hợp giữa nội dung nghị luận với nhan đề của văn bản. - Tiếp cận và đánh giá được nội dung với tư duy phê phán; nhận biết được mục đích. - Phân tích và đánh giá được cách tác giả sử dụng một số thao tác nghị luận (chẳng hạn chứng minh, giải thích, bình luận, so sánh, phân tích hoặc bác bỏ) trong văn bản để đạt được mục đích. - Phân tích được các biện pháp tu từ, từ ngữ, câu khẳng định, phủ định trong văn bản nghị luận và đánh giá hiệu quả của việc sử dụng các hình thức này. - Lí giải được vai trò của cách lập luận và ngôn ngữ biểu cảm trong văn bản nghị luận. Vận dụng: - Rút ra bài học từ tác phẩm; thể hiện quan điểm đồng tình hoặc không đồng tình với những vấn đề đặt ra trong tác phẩm. - Thể hiện được quan điểm riêng trong tiếp nhận, đánh giá văn bản.			
--	--	---	--	--	--

2	Viết	Nghị luận xã hội (vấn đề liên quan đến tuổi trẻ - ước mơ, hoài bão)	Nhận biết: - Xác định được yêu cầu về nội dung và hình thức của bài văn nghị luận. - Nêu được cụ thể vấn đề xã hội có liên quan đến tuổi trẻ. - Xác định rõ được mục đích, đối tượng nghị luận. - Đảm bảo cấu trúc, bố cục của một văn bản nghị luận. Thông hiểu: - Phân tích được lí do và các phương diện liên quan đến tuổi trẻ của vấn đề. - Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm. - Cấu trúc chặt chẽ, có mở đầu và kết thúc gây ấn tượng; sử dụng các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục, chính xác, tin cậy, thích hợp, đầy đủ; đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. Vận dụng: - Đánh giá được ý nghĩa, ảnh hưởng của vấn đề đối với tuổi trẻ. - Nêu được những bài học, những đề nghị, khuyến nghị rút ra từ vấn đề bàn luận. Vận dụng cao: - Sử dụng kết hợp các phương thức miêu tả, biểu cảm, tự sự,... để tăng sức thuyết phục cho bài viết. - Vận dụng hiệu quả những kiến thức Tiếng Việt lớp 12 để tăng tính thuyết phục, sức hấp dẫn cho bài viết	* 10 %	* 10%	* 20%	
			Tỉ lệ %	30%	40%	30%	100 %
Tỉ lệ chung				70%	30%		

C. ĐỀ MINH HỌA

ĐỀ MINH HỌA

Họ, tên học sinh: Lớp:

Số báo danh: Phòng:

I. ĐỌC HIỂU

Đọc kĩ văn bản sau

“Tự trọng” nghĩa là biết coi trọng mình, nhưng không phải theo nghĩa vị kỷ (chỉ biết đến danh lợi của bản thân mình) mà là coi trọng phẩm giá / đạo đức của mình. Một người có tự trọng hay không cũng thường được thể hiện qua câu trả lời hay qua hành xử của anh ta cho những câu hỏi như: “Điều gì khiến tôi sợ hãi / xấu hổ?”, “Điều gì khiến tôi tự hào / hạnh phúc?”.

Người tự trọng tất nhiên sẽ biết sợ sự trừng phạt của nhà nước (sợ pháp lí) nếu làm trái pháp luật và sợ điều tiếng dư luận của xã hội (sợ đạo lí) nếu làm trái với luân thường lẽ phải. Nhưng đó vẫn chưa phải là điều đáng sợ nhất với họ. Điều đáng sợ nhất đối với một người tự trọng là sự giầy vò bản thân khi làm những chuyện đi ngược lại lương tri của chính mình, phản bội lại lẽ sống, giá trị sống nguyên tắc sống mà mình theo đuổi và có cảm giác đánh mất chính mình. Nói cách khác, đối với người có tự trọng, có đạo đức, “tòa án lương tâm” còn đáng sợ hơn cả “tòa án nhà nước” hay “tòa án dư luận”.

Người tự trọng thường đối diện với lương tri và phẩm giá của bản thân, đối diện với “con người bên trong” của mình để hành động hơn là đối diện với sự răn đe của luật pháp hay sự phán xét của dư luận bên ngoài. Do đó, họ sẽ khó có thể làm việc xấu, việc sai, ngay cả khi việc xấu, việc sai đó rất có lợi cho mình và nếu có làm thì cũng không sao cả, vì việc xấu, việc sai đó đã trở nên phổ biến và bình thường với mọi người.

Chẳng hạn, một người chăm chỉ thì khi làm ở một công ty mà ở đó mọi người đều làm việc chăm chỉ thì anh ta cũng sẽ làm việc chăm chỉ, còn khi đi đến một công ty mà ở đó hầu hết mọi người đều... làm biếng thì anh ta vẫn sẽ làm việc chăm chỉ, làm việc hết mình. Anh ta làm việc không phải vì sự sợ hãi cái nhìn của sếp hay sự đánh giá của đồng nghiệp, mà vì con người anh ta vốn dĩ là như thế, anh ta không muốn sống khác đi, dù là ở đâu. Ngày nay, giới trẻ thường dùng câu nói “Hãy là chính mình!” như một câu châm ngôn thời thượng để cổ vũ cho sự tự do, thoải mái làm những điều mình thích. Nhưng không phải ai cũng hiểu và thực hiện phương châm “Hãy là chính mình!” một cách sâu sắc như anh nhân viên trong ví dụ trên. [...]

Người tự trọng có hạnh phúc, có tự hào khi được sự ghi nhận, mến trọng hay ngưỡng mộ của người khác dành cho mình không? Câu trả lời đương nhiên là “Có, rất hạnh phúc, rất tự hào”. Nhưng đó chưa phải là hạnh phúc lớn nhất. Niềm hạnh phúc lớn nhất với họ là niềm tự hào sâu kín và riêng tư từ bên trong con người của họ về những việc mà họ làm, về những điều mà họ theo đuổi. Chính vì được dẫn dắt bởi nội tại của bản thân hơn là bị chi phối từ bên ngoài, người tự trọng thường rất tự do và tự trị khi hành động.

(Trích *Đúng việc*, Giản Tư Trung, NXB Tri thức, tr.25-27)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1 (1.0 điểm) Tìm 01 câu văn sử dụng thao tác nghị luận giải thích trong văn bản trên.

Câu 2 (1.0 điểm) Dựa vào nội dung văn bản, nêu lí do khiến người tự trọng ít khi làm việc xấu, việc sai.

Câu 3 (1.0 điểm) Phân tích cách sử dụng bằng chứng trong văn bản.

Câu 4 (1.0 điểm) Lí giải hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường trong câu văn sau: *Nói cách khác, đối với người có tự trọng, có đạo đức, “tòa án lương tâm” còn đáng sợ hơn cả “tòa án nhà nước” hay “tòa án dư luận”.*

Câu 5 (1.0 điểm) Đánh giá mức độ phù hợp giữa nội dung nghị luận với nhan đề “Đúng việc” của tác phẩm mà văn bản đã trích .

Câu 6 (1.0 điểm) Trong văn bản, tác giả đề cập đến một phương châm sống của giới trẻ hiện nay: “Hãy là chính mình ... tự do, thoải mái làm những điều mình thích”. Trình bày quan điểm của anh/chị về ý kiến trên trong 5 – 7 dòng.

II.VIẾT

John C.Maxwell, một diễn giả và mục sư người Mỹ, tác giả của nhiều đầu sách về chủ đề lãnh đạo từng có câu nói: “Cuộc sống là những lựa chọn, và mọi lựa chọn mà bạn đưa ra đều tạo nên con người bạn”

Hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) bàn về cách tuổi trẻ đối diện với những lựa chọn trong cuộc sống hiện nay.

----- Hết -----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.